

Số: 1191/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về quản trị tài sản trí tuệ**  
**của Trường Đại học Nha Trang**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang và Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học và Công nghệ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Nha Trang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các văn bản trước đây có nội dung trái với văn bản này.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Khoa học và Công nghệ, các trưởng đơn vị, các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng KHĐT;
- Lưu: VT, KHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
NHA TRANG  
Quách Hoài Nam



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Nha Trang  
(Kèm theo Quyết định số 1191/QĐ-ĐHNT ngày 01 tháng 8 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định Quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Nha Trang được ban hành nhằm quy định các vấn đề liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) và quản trị tài sản trí tuệ (TSTT) của Trường Đại học Nha Trang (ĐHNT) trong hoạt động nội bộ và trong mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm việc bảo vệ quyền SHTT, việc quản lý và thương mại hóa TSTT của Trường ĐHNT một cách hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này áp dụng đối với viên chức, người lao động, người học; đơn vị trực thuộc và thuộc Trường ĐHNT (dưới đây gọi chung là đơn vị) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### Điều 3. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

- Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.
- Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.
- Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch

#### Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi của Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.
- Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
- Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
- Khai thác thương mại tài sản trí tuệ là hoạt động sử dụng tài sản trí tuệ nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận, tạo nguồn thu hợp pháp cho Trường ĐHNT.

5. Ươm tạo công nghệ là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

6. Bên môi giới là tổ chức, cá nhân làm trung gian kết nối, đàm phán để các bên triển khai hoạt động khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ ở Trường Đại học Nha Trang.

7. Định giá tài sản trí tuệ là hoạt động xác định giá trị của tài sản trí tuệ như giá trị công nghệ, kết quả nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ (KH&CN).

8. Chuyển giao tài sản trí tuệ là chuyển nhượng sở hữu trí tuệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản trí tuệ.

9. Đơn vị chủ trì là đơn vị được cấp có thẩm quyền giao chủ trì triển khai hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo, đào tạo và hợp tác nhằm hình thành, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ.

10. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra tài sản trí tuệ được bảo hộ theo pháp luật sở hữu trí tuệ. Đồng tác giả là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tài sản trí tuệ.

11. Nguồn lực của Trường Đại học Nha Trang: được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian làm việc tại Trường ĐHNH, nguồn lực tài chính của Trường ĐHNH hay nguồn tài chính đầu tư thông qua Trường ĐHNH, các cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của Trường ĐHNH, nguồn lực thông tin, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện của Trường ĐHNH.

12. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

13. Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

14. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

15. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

16. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác.

17. Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng bản sao dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý.

18. Sao chép là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

19. Tiền bản quyền là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao.

20. Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền là biện pháp sử dụng bất kỳ kỹ thuật, công

nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi được thực hiện mà không được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

21. Biện pháp công nghệ hữu hiệu là biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa thông qua các ứng dụng kiểm soát truy cập, quy trình bảo vệ hoặc cơ chế kiểm soát sao chép.

22. Thông tin quản lý quyền là thông tin xác định về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và các điều kiện khai thác, sử dụng; số hiệu, mã số thể hiện các thông tin nêu trên. Thông tin quản lý quyền phải gắn liền với bản sao hoặc xuất hiện đồng thời với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được truyền đến công chúng.

23. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

24. Sáng chế mật là sáng chế được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định là bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

25. Giải pháp hữu ích là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

26. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp.

27. Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

28. Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

29. Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hoá, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu.

30. Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

31. Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể.

32. Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

33. Giống cây trồng là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

34. Văn bằng bảo hộ là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

## **Chương II**

### **QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 5. Trường Đại học Nha Trang là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây**

1. Được tạo ra bởi người lao động, người học, cộng tác viên theo nhiệm vụ được giao, hoặc không theo nhiệm vụ được giao nhưng chủ yếu sử dụng nguồn lực của Trường ĐHNT, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường ĐHNT đặt hàng đối với các bên liên quan, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.
3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường ĐHNT với các bên liên quan mà trong hợp đồng có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHNT.
4. Được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường ĐHNT đứng tên chủ sở hữu.
5. Được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp đối với các tài sản trí tuệ chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường ĐHNT.

#### **Điều 6. Trường Đại học Nha Trang là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây**

1. Được tạo ra bởi người lao động, người học, cộng tác viên không theo nhiệm vụ được giao, nhưng sử dụng nguồn lực của Trường ĐHNT.
2. Được tạo ra bởi người lao động, người học, cộng tác viên không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Trường, nhưng xuất phát từ thông tin mật, bí mật kinh doanh mà người lao động, người học, cộng tác viên đó đã được phép tiếp cận một cách hợp pháp.
3. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh và các loại hợp đồng khác với các bên liên quan (trừ hợp đồng được quy định tại khoản 4 Điều này)
4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Trường ĐHNT là bên tài trợ hoặc nhận tài trợ, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.
5. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp quy định tại Điều này sẽ do Trường ĐHNT quy định đối với khoản 1 và khoản 2 hoặc do các bên tự thỏa thuận đối với khoản 3 và khoản 4 dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc hợp tác bền vững, các bên cùng có lợi.

6. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường ĐHNT và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Quy định chi tiết liên quan đến đối tượng quyền tác giả**

1. Các tác phẩm thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm: luận văn, luận án, khóa luận; các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học, báo cáo khảo sát cấp khoa, cấp Trường và các báo cáo khác; kỷ yếu hội nghị, hội thảo do Trường xuất bản, giáo trình, tài liệu tham khảo, tập bài giảng do Trường xuất bản, sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử do Trường xuất bản, chương trình máy tính, các phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động chuyên môn, sưu tập dữ liệu.

2. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do người lao động, người học, cộng tác viên tạo ra tác phẩm phái sinh từ một tác phẩm của Trường và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc, các tác giả phải thông báo cho Trường ĐHNT về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải được Trường ĐHNT chấp thuận bằng văn bản trước khi công bố và xác lập quyền sở hữu đối với tác phẩm phái sinh đó.

3. Các đối tượng quyền liên quan thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của trường bao gồm các chương trình phát sóng, tính hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, băng, đĩa ghi hình của Trường ĐHNT.

4. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do người lao động, người học, cộng tác viên tạo ra theo quy định của Quy định này là đối tượng quyền liên quan phát sinh từ một tác phẩm hoặc một quyền liên quan của Trường và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu quyền liên quan gốc, các tác giả phải thông báo cho Trường ĐHNT về việc xuất hiện quyền liên quan này và phải được Trường ĐHNT chấp thuận bằng văn bản trước khi đưa quyền liên quan này vào hoạt động khai thác thương mại.

5. Nội dung quyền tác giả, quyền liên quan; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ căn cứ theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ.

6. Trường ĐHNT được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp người lao động, người học, cộng tác viên sử dụng trái phép đối tượng quyền tác giả, đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu khi thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc hoạt động không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

### **Điều 8. Quy định chi tiết liên quan đến đối tượng quyền sở hữu công nghiệp**

1. Các đối tượng liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại và bí mật kinh doanh.

2. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ căn cứ theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ.

3. Trường ĐHNT được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp người lao động, người học, cộng tác viên sử dụng trái phép đối tượng quyền sở hữu công nghiệp mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu khi thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc hoạt động không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

## **Điều 9. Quy định chi tiết liên quan đến đối tượng quyền sở hữu đối với giống cây trồng**

1. Các đối tượng liên quan đến quyền sở hữu đối với giống cây trồng thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm các giống cây trồng được chọn tạo, phát hiện và phát triển, hoặc được đầu tư cho công tác chọn tạo, phát hiện và phát triển giống cây trồng, hoặc được chuyển giao quyền đối với giống cây trồng; vật liệu nhân giống.

2. Nội dung quyền đối với giống cây trồng; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ căn cứ theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ.

3. Trường ĐHNT được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp người lao động, người học, cộng tác viên sử dụng trái phép đối tượng quyền đối với giống cây trồng mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu khi thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc hoạt động không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

## **Điều 10. Tên gọi, tên giao dịch Trường Đại học Nha Trang**

1. Tên gọi là tên của Trường bao gồm tên tiếng Việt: Trường Đại học Nha Trang, tên tiếng Anh: Nha Trang University và tên viết tắt: NTU.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, người lao động, người học, cộng tác viên được quyền sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHNT để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHNT phải đảm bảo hình ảnh, uy tín của Trường, việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường ĐHNT không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường ĐHNT.

## **Điều 11. Nhãn hiệu Trường Đại học Nha Trang**

1. Nhãn hiệu của Trường ĐHNT là nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận số 154314 cấp ngày 10/11/2010 theo Quyết định số 21381/QĐ-SHTT của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

2. Trường ĐHNT là chủ sở hữu quyền tác giả của nhãn hiệu Trường ĐHNT.

3. Trường ĐHNT là chủ sở hữu nhãn hiệu Trường ĐHNT.

4. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, người lao động, người học, cộng tác viên được sử dụng nhãn hiệu Trường ĐHNT trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao

5. Các đơn vị thuộc Trường có quyền thiết kế xây dựng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu khác mang đặc điểm, bản chất riêng của đơn vị trên nguyên tắc đảm bảo hình ảnh và uy tín của Trường ĐHNT. Trường ĐHNT là chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu nhãn hiệu đối với các nhãn hiệu của các đơn vị thuộc Trường.

6. Các đơn vị trực thuộc Trường ĐHNT có quyền thiết kế xây dựng, đăng ký bảo hộ và sở hữu nhãn hiệu mang đặc điểm, bản chất riêng của đơn vị.

7. Việc sử dụng các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Trường ĐHNT không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường ĐHNT.

## **Điều 12. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hoạt động của Thư viện Trường Đại học Nha Trang**

1. Mọi hoạt động của Thư viện Trường ĐHNT phải đảm bảo các quy định về bản quyền tác giả theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Mọi hình thức sao chép hay số hóa các tài liệu của Thư viện chỉ được nhằm mục đích phi thương mại là lưu trữ phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu trong phạm vi thư viện, Trường ĐHNT.
3. Trường ĐHNT không chịu trách nhiệm trước các hành vi sao chép hay số hóa tài liệu của người lao động làm việc tại Thư viện với mục đích thương mại hoặc vi phạm các quy định của Luật Sở hữu Trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Các cá nhân vi phạm sẽ chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Trường ĐHNT và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Giám đốc Thư viện Trường ĐHNT chịu trách nhiệm xây dựng Nội quy làm việc tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan.

## **Chương III**

### **TÁC GIẢ VÀ ĐỒNG TÁC GIẢ CỦA CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 13. Các quy định về tác giả và đồng tác giả**

1. Một cá nhân được xác định là tác giả hoặc đồng tác giả của một tài sản trí tuệ nếu cá nhân đó có tham gia trực tiếp và đóng góp công sức vào việc sáng tạo ra tài sản trí tuệ tương ứng. Được xem là “có tham gia trực tiếp và đóng góp công sức vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với thành viên tham gia đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó tài sản trí tuệ liên quan được tạo ra.
2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của tài sản trí tuệ được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của pháp luật về Sở hữu trí tuệ, dân sự và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp Quy định này hoặc trong hợp đồng tương ứng có quy định hợp pháp khác.
3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả thì danh sách tên các đồng tác giả và tỷ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận nhưng không được trái quy định của Quy định này và pháp luật hiện hành.
4. Các đồng tác giả được hưởng quyền tài sản tương ứng theo quy định hợp pháp của Quy định này, hoặc trong hợp đồng giao kết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 14. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động quản lý các tài sản trí tuệ**

Bộ phận chuyên trách quản lý các tài sản trí tuệ trực thuộc Phòng KH&CN có chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý các tài sản trí tuệ, thực hiện các nhiệm vụ sau đây:



1. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý các tài sản trí tuệ
2. Tổ chức việc ghi nhận, khai báo, quản lý tài sản trí tuệ.
3. Tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ
4. Giám sát việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ
5. Tổ chức khai thác thương mại tài sản trí tuệ
6. Định kỳ hàng năm và 05 (năm) năm tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý các tài sản trí tuệ; xây dựng định hướng, chiến lược phát triển trong 05 (năm) năm tiếp theo; thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất mức độ và hình thức khen thưởng hoặc xử lý vi phạm.
7. Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy định về quản trị tài sản trí tuệ.

#### **Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Khoa học và Công nghệ**

1. Phòng Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm chính trong hoạt động quản trị tài sản trí tuệ theo Quy định này.
2. Chuyên viên Quản trị tài sản trí tuệ thuộc Phòng Khoa học và Công nghệ thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động quản trị tài sản trí tuệ theo nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường**

Người đứng đầu các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ trong việc:

1. Phòng chống việc xâm phạm trái phép quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể khác trong mọi hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị thuộc Trường phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.
2. Quán triệt các quy định trong Quy định này cùng các quy định liên quan khác đến tất cả các người lao động, người học, cộng tác viên thuộc phạm vi quản lý của mình.
3. Yêu cầu người lao động, người học, cộng tác viên trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành theo hướng dẫn của Chuyên viên quản trị tài sản trí tuệ.
4. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy định này.
5. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định này.

#### **Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của người lao động, người học, cộng tác viên**

1. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành với sự hướng dẫn của Chuyên viên quản trị tài sản trí tuệ. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin mật của Trường cho đến khi được thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.

2. Sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân khác phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác, người lao động, người học, cộng tác viên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy định này.

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Quy định này.

5. Hỗ trợ mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện các thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của Trường.

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về tài sản trí tuệ theo quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến tài sản trí tuệ của Trường ĐHNT phải được sự đồng ý bằng văn bản của Nhà trường.

### **Điều 18. Xử lý hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ**

1. Trường hợp các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quy định này khi có hành vi vi phạm Quy định, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Trường ĐHNT.

2. Trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của đối tượng được quy định tại Điều 2 Quy định này làm phát sinh các trách nhiệm dân sự, hành chính và hình sự, đối tượng này sẽ phải tự mình chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật liên quan đối với hành vi vi phạm do mình gây ra.

## **Chương V**

### **PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC THƯƠNG MẠI TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 19. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ**

##### **1. Hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ**

Bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ của Trường ĐHNT (Phòng Khoa học và Công nghệ) và các đơn vị hướng dẫn cho viên chức, người lao động và người học thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ theo quy định của Cục Sở hữu trí tuệ, đúng quy định pháp luật hiện hành.

##### **2. Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ**

a) Trường ĐHNT khuyến khích và hỗ trợ viên chức, người lao động và người học của Trường đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm KH&CN. Hình thức hỗ trợ bao gồm:

- Hỗ trợ hướng dẫn các thủ tục, hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ.
- Hỗ trợ 100% các loại phí, lệ phí nộp hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ và phí tư vấn đăng ký hồ sơ sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ 100 % lệ phí duy trì, gia hạn và phí sử dụng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

b) Kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN của Trường ĐHNT.

## **Điều 20. Chính sách hỗ trợ hình thành tài sản trí tuệ**

1. Trường ĐHNT ưu tiên phê duyệt và cấp kinh phí triển khai nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm đầu ra là tài sản trí tuệ có khả năng khai thác thương mại hoặc chuyển giao công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm có tiềm năng phát triển và thương mại hóa, có kiến nghị của Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, Trường ĐHNT hỗ trợ dưới các hình thức giao nhiệm vụ KH&CN để hoàn thiện sản phẩm như triển khai dự án sản xuất thử nghiệm, dự án ương tạo, hỗ trợ chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, triển khai nhiệm vụ hợp tác song phương - đa phương để khai thác sản phẩm. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ làm văn bản đề nghị hỗ trợ, trình Giám hiệu Trường ĐHNT xem xét, quyết định phương án hỗ trợ.

## **Điều 21. Khai thác tài sản trí tuệ**

1. Bộ phận khai thác tài sản trí tuệ

a) Bộ phận chuyên trách thuộc Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường ĐHNT là đơn vị thực hiện chức năng quản lý, khai thác các tài sản trí tuệ của Trường ĐHNT.

b) Viên chức, người lao động có tài sản trí tuệ chịu trách nhiệm trao đổi trực tiếp với bộ phận khai thác tài sản trí tuệ của Trường ĐHNT để thống nhất quy trình quản lý và chuyển giao. Các quản trị viên hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tùy theo khối lượng công việc thực tế trong từng giai đoạn.

2. Các hình thức khai thác tài sản trí tuệ:

a) Công bố tài sản trí tuệ;

b) Chuyển nhượng tài sản trí tuệ;

c) Áp dụng tài sản trí tuệ vào quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Trường;

d) Dùng quyền Sở hữu trí tuệ để góp vốn, liên doanh, liên kết;

đ) Cấp “Li-xăng” cho các đối tượng có nhu cầu;

e) Chuyển giao công nghệ;

g) Chuyển nhượng, cho, tặng quyền sở hữu trí tuệ;

h) Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 22. Tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ**

Trường ĐHNT xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm cho hoạt động sở hữu trí tuệ phù hợp với kế hoạch KH&CN với nguồn tài chính bao gồm:

1. Nguồn kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Quỹ phát triển KH&CN theo quy định tại Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

**Điều 23. Quyền và nghĩa vụ về khai thác tài sản trí tuệ của người lao động, người học, cộng tác viên**

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng và bảo vệ các tài sản trí tuệ của Trường khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Có quyền được hưởng các lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.
3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do người lao động, người học, cộng tác viên tạo ra là một sáng chế phụ thuộc đã được cấp bằng sáng chế độc quyền cho Trường, việc sử dụng và khai thác sáng chế phụ thuộc phải được sự đồng ý bằng văn bản của Trường ĐHNT.
4. Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí và phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường ĐHNT trong tác phẩm của mình.
5. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Trường, người lao động, người học, cộng tác viên không còn được hưởng thù lao từ các tài sản trí tuệ mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả nhưng thuộc sở hữu của Trường ĐHNT, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Điều 24. Chuyển giao tài sản trí tuệ giữa Trường ĐHNT, các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị trực thuộc Trường với người lao động, người học, cộng tác viên**

1. Trong trường hợp Trường ĐHNT thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Trường đối với tài sản trí tuệ do các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị trực thuộc Trường hoặc người lao động, người học, cộng tác viên sáng tạo ra. Đơn vị trực thuộc Trường hoặc người lao động, người học, cộng tác viên có thể yêu cầu Trường chuyển nhượng lại tài sản trí tuệ đó cho mình.
2. Trường ĐHNT có thể yêu cầu người lao động, người học, cộng tác viên chuyển nhượng tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật.
3. Các đơn vị trực thuộc Trường, người lao động, người học, cộng tác viên phải đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn (Li-xăng cưỡng bức) đối với các tài sản trí tuệ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Trường hoặc theo quy định của pháp luật.
4. Các đơn vị thuộc Trường, các đơn vị trực thuộc Trường, người lao động, người học, cộng tác viên đang làm việc, học tập, nghiên cứu tại Trường không chuyển giao các tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Trường, trừ trường hợp có sự thỏa thuận hoặc đồng ý bằng văn bản của Trường hoặc pháp luật có quy định khác.

**Điều 25. Hoạt động xúc tiến thương mại đối với các tài sản trí tuệ**

1. Phòng Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại đối với các tài sản trí tuệ mà Trường ĐHNT là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu.
2. Phòng Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Ban giám hiệu ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng Li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh

- liên kết, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo ra Tài sản trí tuệ mới và các loại hợp đồng khác nhằm xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ**

1. Phân chia thu nhập từ những tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Trừ khi có thỏa thuận khác hoặc có quy định khác, sau khi đã trừ các chi phí (nếu có), gồm: thuế, phí, lệ phí đăng ký xác lập quyền, tư vấn đăng ký hồ sơ sở hữu trí tuệ, tìm kiếm đối tác, giao kết hợp đồng, nộp cơ quan cấp kinh phí, và các loại phí, lệ phí khác, việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ được tính như sau:

- a) Trả thù lao cho tác giả và đồng tác giả (nếu có): 50%.
- b) Bên môi giới (nếu có): không quá 10%
- c) Trường ĐHNT và đơn vị chủ trì hình thành tài sản trí tuệ: mỗi bên nhận 50% phần lợi nhuận còn lại sau khi đã trừ đi kinh phí tại điểm a và điểm b khoản này. Phòng Khoa học và Công nghệ tổng hợp và báo cáo Giám hiệu phương án sử dụng phần kinh phí chuyển về Trường ĐHNT.

Đối với những trường hợp đạt được kết quả vượt mức, Phòng Khoa học và Công nghệ sẽ đề xuất Ban giám hiệu quyết định trả thù lao riêng và khen thưởng phù hợp Quy định Khen thưởng Trường ĐHNT và các quy định pháp luật khác.

2. Thù lao cho tác giả, đồng tác giả tại điểm a khoản 1 Điều này được chia đều cho các đồng tác giả, trừ trường hợp các đồng tác giả đã có thỏa thuận khác bằng văn bản và được chỉ trả trong suốt thời gian bảo hộ của tài sản trí tuệ là quyền sở hữu trí tuệ hoặc theo thỏa thuận đối với tài sản trí tuệ khác.

3. Đối với các tài sản trí tuệ tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

4. Đối với các tài sản trí tuệ không phải là đề tài, dự án sử dụng kinh phí Nhà nước, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo thỏa thuận giữa các bên.

5. Hằng năm, Trường ĐHNT trích một phần lợi nhuận sau thuế từ các tài sản trí tuệ được thương mại hóa để đảm bảo kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của năm tiếp theo, bao gồm:

- a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Sở hữu trí tuệ và kiến thức về quản trị tài sản trí tuệ.
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản trị tài sản trí tuệ và cơ sở dữ liệu thông tin tài sản trí tuệ.
- c) Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản trị tài sản trí tuệ.
- d) Triển khai các hoạt động khác theo quy định của Trường.

6. Phòng KH & CN theo chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động quản trị tài sản trí tuệ hàng năm.

7. Phòng Thanh tra – Pháp chế có trách nhiệm phối hợp Phòng Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động quản trị tài sản trí tuệ.

6. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Ban giám hiệu quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 27. Giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ**

1. Các tranh chấp về sở hữu trí tuệ được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải.
2. Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức hòa giải các tranh chấp về sở hữu trí tuệ.
3. Trong trường hợp hòa giải không thành, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ đề xuất cho Giám hiệu Trường ĐHNT hướng xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 28. Khuyến khích, khen thưởng hoạt động liên quan tài sản trí tuệ và xử lý vi phạm**

1. Thưởng cho viên chức, người lao động và người học có tài sản trí tuệ (chủ sở hữu là Trường ĐHNT) được cấp bằng trong và ngoài nước theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNT.
2. Thưởng cho viên chức, người lao động và người học có sản phẩm nghiên cứu khoa học (hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc thương mại hoá sản phẩm phải do Trường ĐHNT là đơn vị ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc thương mại hoá sản phẩm) được thương mại hoá sản phẩm, chuyển giao công nghệ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNT.
3. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định, tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 29. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Khoa học và Công nghệ để trình Giám hiệu Trường ĐHNT xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời.